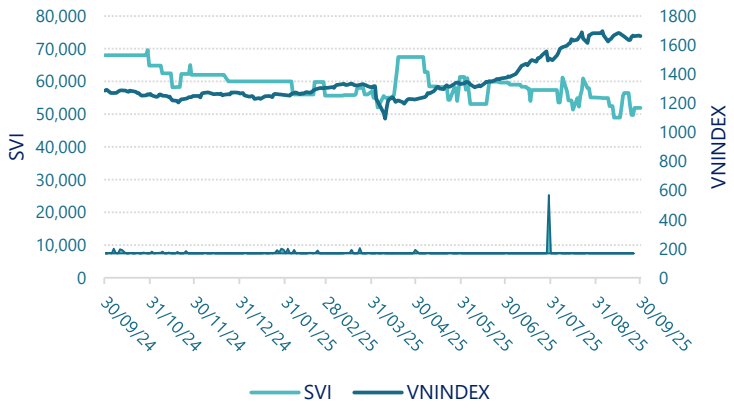
CTCP Bao bì Biên Hòa (HSX: SVI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**51,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	69,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,950
SL cổ phiếu LH	12,832,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	705
% sở hữu nước ngoài	94.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	666
P/E	12.4
EPS	4,172

DT thuần

Q3/25

372

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -2.2%

YoY: ▼2.00| -0.7%

LN sau thuế

Q3/25

-0.30

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.5| -103%

YoY: ▼14.3| -102%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.6%

+/- YoY: ▼ 4.5%

DT thuần

9T 2025

1,107

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0| 2.0%

LN sau thuế

9T 2025

25.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼22.4| -46.6%

ROE

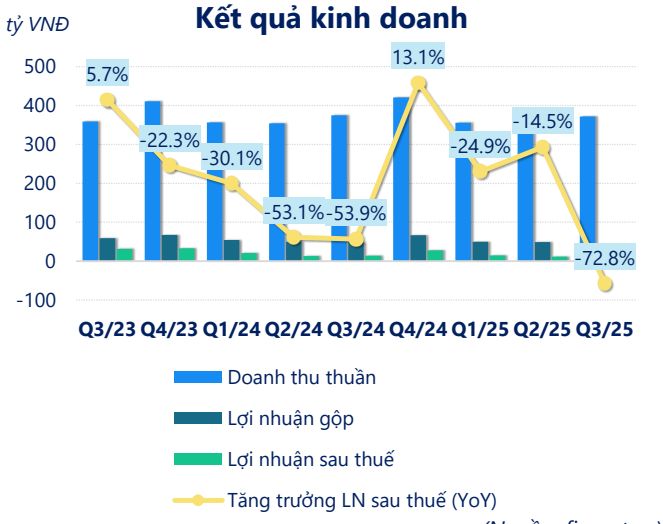
Q3/25

6.1%

+/- YoY: ▼ 3.7%

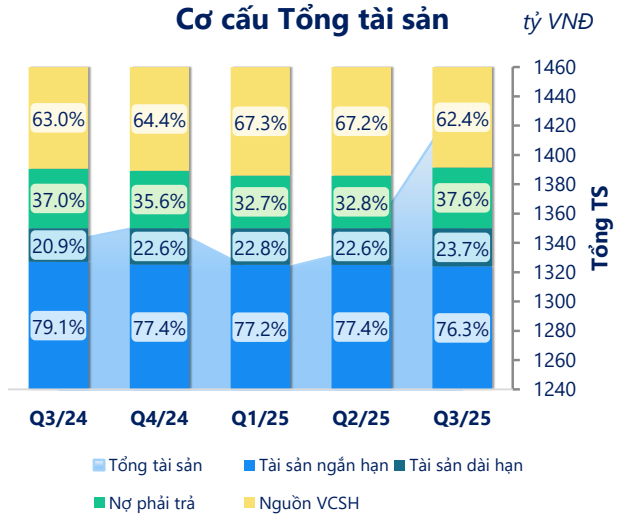
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



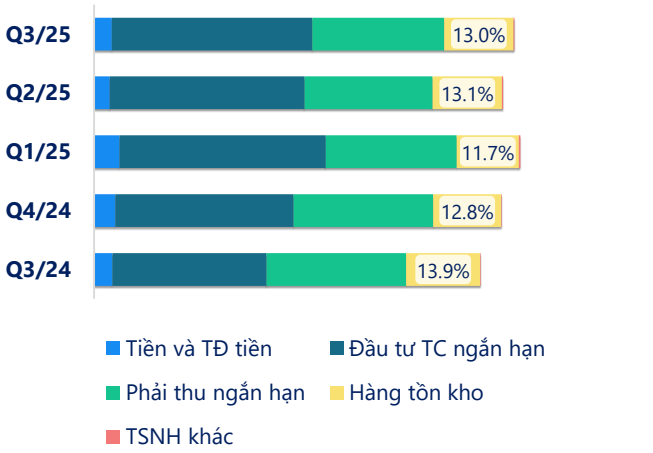
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



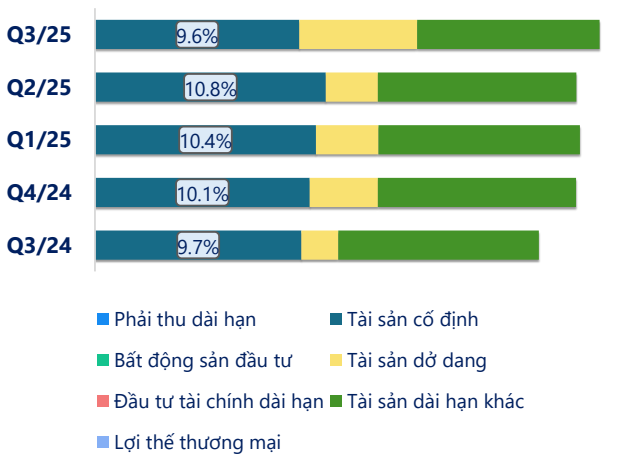
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



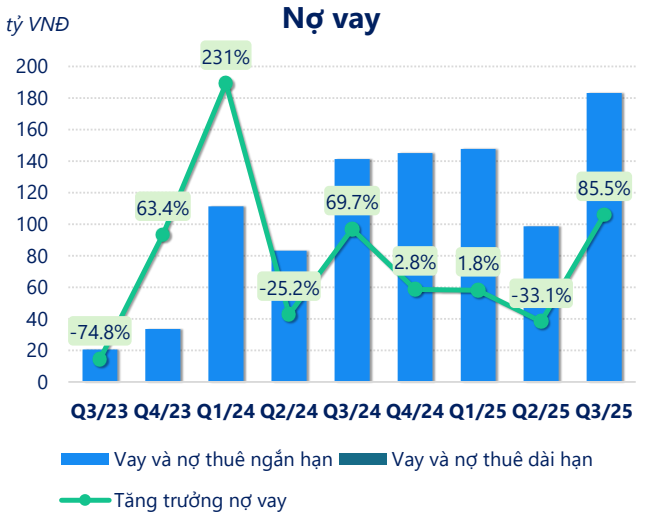
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



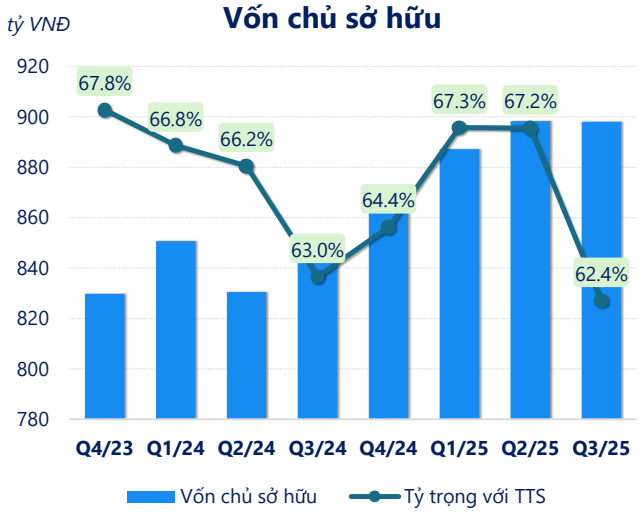
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



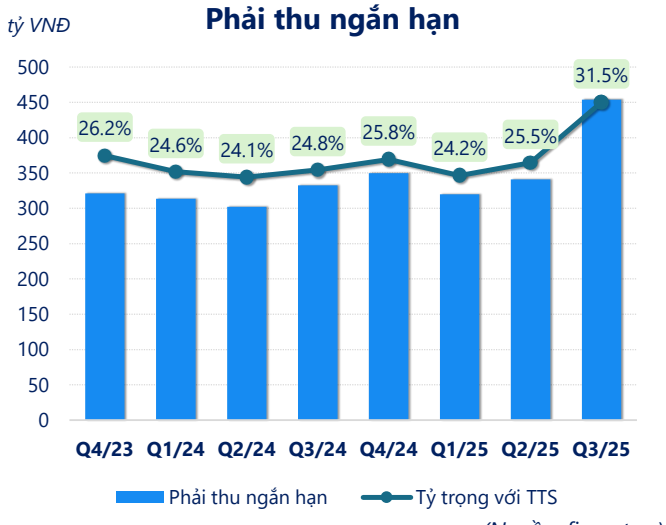
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



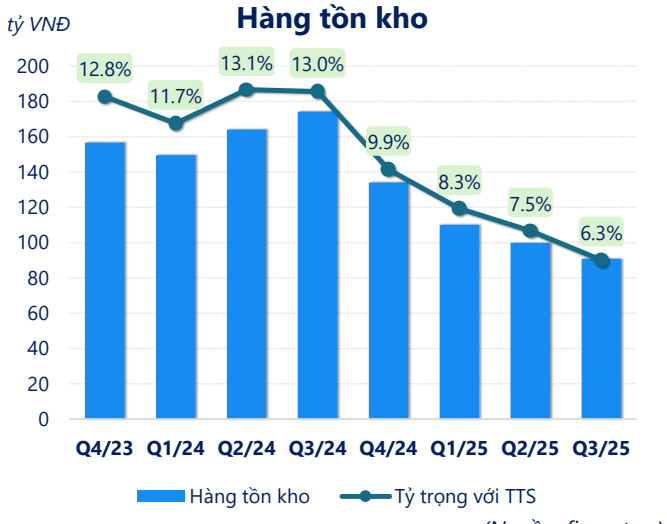
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



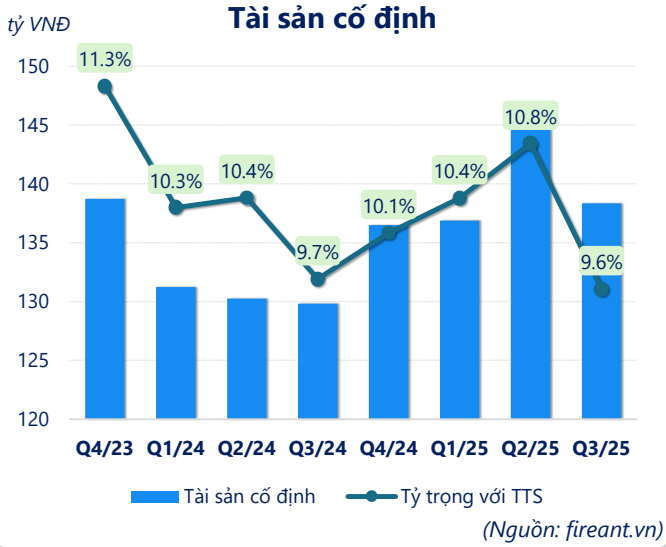
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



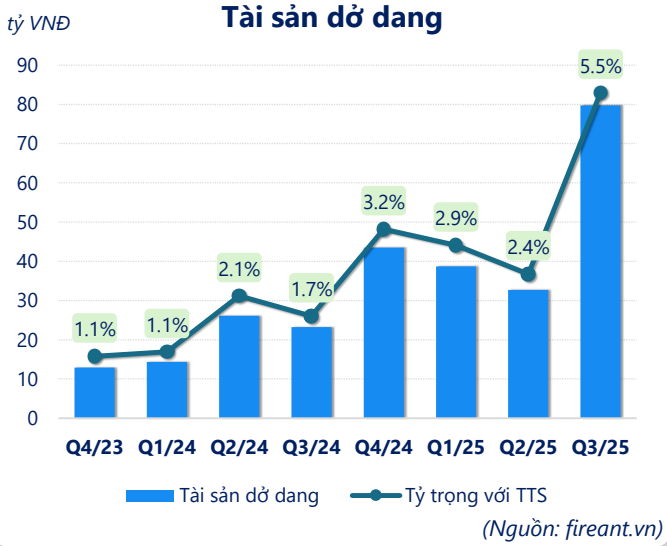
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



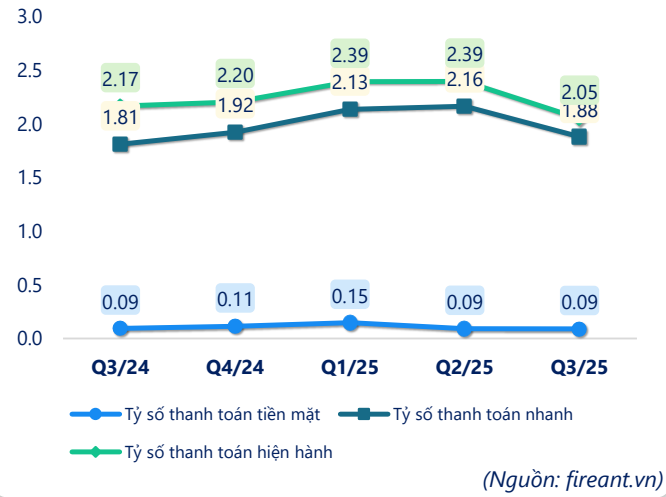
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



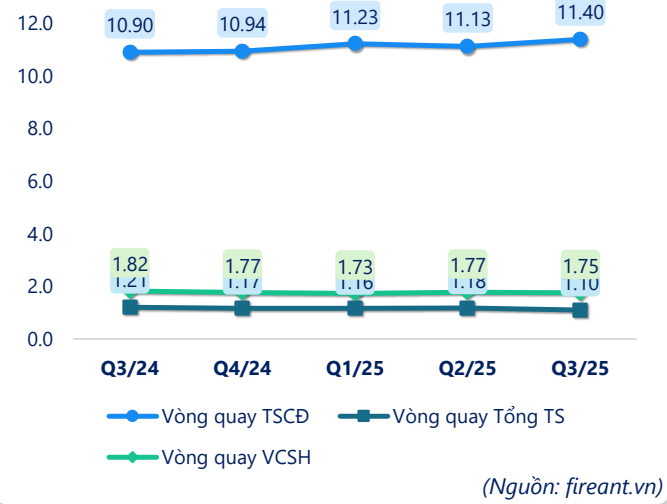
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,340**	**1,354**	**1,319**	**1,336**	**1,440**
Tài sản ngắn hạn	**1,060**	**1,047**	**1,018**	**1,033**	**1,098**
Tiền và tương đương tiền	45.9	53.8	62.7	39.4	48.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	506	507	521	550	501
Phải thu ngắn hạn	332	350	320	341	454
Hàng tồn kho	174	134	110	99.8	90.9
Tài sản ngắn hạn khác	2.24	2.56	4.25	3.88	5.05
Tài sản dài hạn	**280**	**306**	**301**	**302**	**342**
Phải thu dài hạn	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10
Tài sản cố định	130	136	137	145	138
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	23.2	43.5	38.7	32.7	79.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	126	126	125	125	124
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**495**	**481**	**432**	**437**	**542**
Nợ ngắn hạn	**489**	**475**	**425**	**432**	**536**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	141	145	148	98.7	183
Phải trả người bán ngắn hạn	294	282	243	284	306
Nợ dài hạn	5.68	6.15	6.14	5.95	5.90
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**844**	**872**	**887**	**898**	**898**
Vốn chủ sở hữu	**844**	**872**	**887**	**898**	**898**
Vốn điều lệ	128	128	128	128	128
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)